TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 731/2026/DS-ST
Ngày: 05-3-2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vi Tường Thuy;

2. Bà Cù Thị Phương Trang.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Lê Ngọc Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 674/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2026/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên toà số 46/2026/QĐST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn*:** Ông Ngô Kim Đ, sinh ngày 15/02/1962; CCCD số 079062016541; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Ngày cấp: 01/5/2021. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: 432/10/12 X, phường T, Thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: 13/4 Đường số 9, Khu phố 35, phường B, Thành phố H.

- Bị đơn:

1. Ông Trần Xuân Thiên T, sinh ngày: 24/3/1971; Số CCCD: 068071000039; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Ngày cấp: 22/11/2024. (vắng mặt)

Địa chỉ: 46/6C Trần Nhân Tôn, phường V, Thành phố H.

2. Bà Nguyễn Thị Phúc H, sinh năm 1971. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 498/31 Lê Hồng Phong, phường V, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/9/2025 và đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 06/11/2025 của nguyên đơn ông Ngô Kim Đ cũng như tại bản tự khai trình bày:

Ngày 08/11/2018, ông Đ thực hiện rút tiền từ tài khoản mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam với tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng cho ông T mượn; tiếp đến ngày 12/12/2018, ông Đ tiếp tục cho ông T mượn 150.000.000 đồng và 90.000.000 đồng, ông T làm ăn có lời trả cho ông Đ nhưng sau đó ông T mượn lại và không trả. Tổng số tiền ông Đ cho ông T mượn vay là 1.240.000.000 đồng. Ông T chỉ mới trả lại cho ông Đ 385.000.000 đồng. Như vậy, sau khi trừ đi số tiền ông T đã trả, thì số tiền gốc vay còn lại ông T còn nợ ông Đ là: 855.000.000 đồng.

Ngày 07/3/2024, ông T viết Giấy nhận nợ, xác nhận lại khoản tiền ông T còn đang nợ ông Đ bao gồm tiền nợ gốc là 855.000.000 đồng và số tiền phần trăm là 300.000.000 đồng của 05 năm tương ứng thời gian từ ngày năm 2018 đến năm 2023, tại Giấy xác nhận nợ, ông T tiếp tục cam kết hẹn đến hết ngày 12/4/2024 sẽ trả tiền cho ông Đ, thế nhưng ông T vẫn không trả lại tiền cho ông Đ như đã xác nhận và cam kết thể hiện tại Giấy nhận nợ.

Như vậy tổng số tiền ông T còn nợ ông Đ là: 1.155.000.000 đồng (bao gồm: nợ gốc là 855.000.000 đồng và 300.000.000 đồng tiền phần trăm). Do đó, nay Ông Đ yêu cầu Toà án giải quyết những vấn đề sau đây:

- Buộc ông Trần Xuân Thiên T và bà Nguyễn Thị Phúc H liên đới trả cho ông Ngô Kim Đ tổng số tiền nợ là: 1.155.000.000 đồng (bao gồm: nợ gốc là 855.000.000 đồng và 300.000.000 đồng tiền phần trăm).

- Buộc ông Trần Xuân Thiên T và bà Nguyễn Thị Phúc H liên đới trả cho ông Ngô Kim Đ tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm trên số tiền 1.155.000.000 đồng chậm trả tạm tính từ ngày 12/4/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Phúc H trình bày: bà không biết việc vay mượn của ông Ngô Kim Đ và ông Trần Xuân Thiên T nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã tiến hành lập hồ sơ vụ án; xác định tư cách pháp lý của các đương sự và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng phù hợp quy định tại các Điều 68, 69 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời đã tiến hành triệu tập, tống đạt các Quyết định tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn, tiến hành hòa giải; tiến hành xác minh thu thập chứng cứ theo đúng quy định. Ngoài ra trước khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải thực hiện đúng quy định tại các Điều 208; Điều 209; Điều 210 và Điều 211 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ mà bị đơn ông Trần Xuân Thiên T và không chấp nhận đối với yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Phúc H liên đới trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào giấy nhận nợ và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: do bị đơn ông Trần Xuân Thiên T có địa chỉ thường trú tại 46/6C Trần Nhân Tôn, phường Vườn Lài, Thành phố Hồ Chí Minh và bà Nguyễn Thị Phúc H có địa chỉ thường trú tại 498/31 Lê Hồng Phong, phường Vườn Lài, Thành phố Hồ Chí Minh tại Khu vực 4, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án ngày 25/6/2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Xét nguyên đơn ông Ngô Kim Đ, bị đơn bà Nguyễn Thị Phúc H có đơn xin vắng mặt; bị đơn ông Trần Xuân Thiên T đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu trả số tiền nợ còn thiếu là 1.155.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Xét Giấy nhận nợ ngày 07/3/2024 có nội dung ông Trần Xuân Thiên T hiện đang nợ ông Ngô Kim Đ số tiền là 855.000.000 đồng và tổng số tiền trả sau 300.000.000 đồng là tiền phần trăm của 05 năm.

[4.2] Xét ngày 08/12/2018 tại bản sao kê tài khoản số 19133519709016 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam của ông Ngô Kim Đ thể hiện số tiền 1.000.000.000 đồng và số tiền này ông Ngô Kim Đ khai nhận rút ra để cho ông Trần Xuân Thiên T mượn nhưng các bên không làm giấy vay mượn cũng như không có tài liệu xác nhận ông T mượn số tiền này.

[4.3] Nhận thấy, việc vay mượn số tiền 1.000.000.000 đồng không có chứng cứ nhưng thời gian phát sinh quan hệ vay mượn trùng khớp với thời gian phần trăm theo giấy nhận nợ ngày 07/3/2024 là 05 năm (tháng 12/2018 đến tháng 03/2024). Như vậy,

có cơ sở xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc trả lại số tiền còn thiếu là 1.155.000.000 đồng.

[5] Đối với yêu cầu trả tiền lãi, Hội đồng xét xử phân tích như sau:

[5.1] Căn cứ Điều 357 Bộ Luật dân sự quy định "Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này" đối chiếu khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định "Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ."

[5.2] Xét tại giấy nhận nợ ngày 07/3/2024, ông Trần Xuân Thiên T có nội dung cam kết đến ngày 12/4/2024 sẽ trả tiền, như vậy tiền phạt vi phạm nghĩa vụ được tính từ ngày 13/4/2024 đến ngày xét xử là 05/3/2026, mức lãi suất 0,028%/ngày (tương đương 10%/năm), cụ thể 1.155.000.000 đồng x 0.028% ngày x 691 ngày = 223.469.400 đồng.

[5.3] Như phân tích tại phần [4] ông Trần Xuân Thiên T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn về buộc bà Nguyễn Thị Phúc H cùng liên đới trả nợ, Hội đồng xét xử phân tích như sau:

[6.1] Xét ông Trần Xuân Thiên T và bà Nguyễn Thị Phúc H ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 91/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/3/2022 của Toà án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung về nợ chung các đương sự khai không có.

[6.2] Xét bản khai của bà Nguyễn Thị Phúc H cũng khai nhận không biết về việc vay mượn của ông Trần Xuân Thiên T với ông Ngô Kim Đ. Ông Ngô Kim Đ cũng không chứng minh được việc bà Nguyễn Thị Phúc H có dùng chung số tiền vay mượn này cũng như các tin nhắn đề nghị trả tiền cũng không yêu cầu bà Nguyễn Thị Phúc H hay vợ chồng cùng liên đới trả.

[6.3] Xét tại thời điểm phát sinh vay mượn của hai bên ông Ngô Kim Đ và ông Trần Xuân Thiên T là trong thời kỳ hôn nhân của ông Trần Xuân Thiên T và bà Nguyễn Thị Phúc H. Tuy nhiên, số tiền nợ được giải quyết tại giấy nhận nợ là sau khi của ông Trần Xuân Thiên T và bà Nguyễn Thị Phúc H đã ly hôn. Mặt khác, các tin nhắn ông Ngô Kim Đ nộp để chứng minh việc vay mượn đều thể hiện thời gian là năm 2024. Như vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện về việc đòi tiền được chấp nhận nên bị đơn chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án ngày 25/6/2025;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[1] Buộc ông Trần Xuân Thiên T có nghĩa vụ thanh toán số tiền 1.155.000.000 đồng theo giấy nhận tiền ngày 07/3/2024 cho ông Ngô Kim Đ.

[2] Buộc ông Trần Xuân Thiên T có nghĩa vụ thanh toán số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ tạm tính đến ngày 05/3/2026 là 223.469.400 đồng cho ông Ngô Kim Đ.

Tiền chậm thực hiện nghĩa vụ được tiếp tục tính bắt đầu từ ngày 06/3/2026 theo mức lãi suất là 10%/năm cho đến khi ông Trần Xuân Thiên T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

[3] Không chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Kim Đ về việc buộc bà Nguyễn Thị Phúc H cùng liên đới trả nợ.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: 53.354.082 (năm mươi ba triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn không trăm tám mươi hai) đồng ông Trần Xuân Thiên T chịu. Ông Ngô Kim Đ được miễn nộp án phí theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND KV4-TPHCM;
- Phòng THADSKV4 TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Nhàn

63974.q10.1652.2025
2 000063 974100
05.03.2026 8:40
Ngô Kim Điền